UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3532 /TB-UBND	*Thanh Miện, ngày 25 tháng 11năm 2021*

THÔNG BÁO
Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương

Thực hiện Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương (địa chỉ http://dichvucong.haiduong.gov.vn).

Ủy ban nhân dân huyện thông báo công khai tại Bộ phận Một cửa huyện, Cổng thông tin điện tử huyện (*tại địa chỉ: http://thanhmien.haiduong.gov.vn*) để các phòng, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- UBND các xã, thị trấn.
- Lưu: VT.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Đỗ Văn Tảo

A. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 CẤP HUYỆN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công mức độ 4
1	2.000777.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.
2	2.000298.000.00.00.H23	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
3	2.000294.000.00.00.H23	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
4	1.001758.000.00.00.H23	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
5	1.001753.000.00.00.H23	Thủ tục Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
6	1.000669.000.00.00.H23	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
7	2.000942.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
8	2.000908.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc
9	2.000635.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao trích lục Hộ tịch
10	2.001270.000.00.00.H23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
11	2.001261.000.00.00.H23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
12	2.000633.000.00.00.H23	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
13	2.000629.000.00.00.H23	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
14	1.001279.000.00.00.H23	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
15	1.004138.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công mức độ 4
		hoạch bảo vệ môi trường
16	2.001884.000.00.00.H23	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
17	2.001880.000.00.00.H23	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
18	2.001786.000.00.00.H23	Cấp lại giấy chứng nhận đủ diều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
19	2.001931.000.00.00.H23	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)
20	1.003605.000.00.00.H23	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)
21	2.000575.000.00.00.H23	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
22	1.001612.000.00.00.H23	Thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
23	1.001266.000.00.00.H23	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
24	1.008900.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
25	1.008899.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
26	1.003635.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội huyện
27	2.002.363.000.00.00.H23	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

B. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công
1	2.000942.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
2	2.000908.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc
3	2.000635.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch
4	1.008902.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng
5	1.008902.000.00.00.H23	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
6	1.003622.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội
7	2.000509.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng
8	1.001167.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng,tổ chức tôn giáo,tổ chức tôn giáo trực thuộc
9	1.001156.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
10	1.001109.000.00.00.H23	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
11	1.001098.000.00.00.H23	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
12	1.001085.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
13	1.001078.000.00.00.H23	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
14	1.001028.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín
15	1.003596.000.00.00.H23	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa
16	1.001758.000.00.00.H23	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
17	1.001753.000.00.00.H23	Thủ tục Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương